TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 23-4-2019
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Q

Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Nguyễn Hải Ba

2. Bà Ngô Thị Kim Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà:Bà Nguyễn Thị Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 26/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019; về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST- HNGD ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự .

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 (có mặt)

Bị đơn: Anh Kim Đình Q, sinh năm 1978 (có mặt)

Đều cư trú tại: thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn gửi Tòa án ngày 17/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Kim Đình Q kết hôn ngày 14/01/2002 trên cơ sở tự nguyện có được đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống của vợ chồng không được hạnh phúc do anh Q có mắc nghiện ma túy, luôn uống rượu, chửi bới, đánh đập mẹ con chị, đến năm 2016 thì chị và anh Q đã sống ly thân. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, các con chị luôn lo sợ bố chửi bới, đánh đập lên không dám ở gần, nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Q không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Bị đơn anh Kim Đình Q trình bày: Anh thừa nhận thời điểm kết hôn và thời gian chung sống đúng như chị L đã trình bày. Vợ chồng anh có mâu thuẫn từ năm 2013 nguyên nhân do vấn đề làm ăn kinh tế gặp khó khăn dẫn đến phải bán nhà cửa, tài sản từ đó dẫn đến vợ chồng cãi nhau to tiếng, đánh cãi chửi nhau. Đến năm 2016 thì chị L đi xuất khẩu lao động, anh đi làm ăn tại Sơn La, vợ chồng sống ly thân nhau từ ngày đó cho đến nay, không ai còn quan tâm chăm sóc đến ai, không ai có trách nhiệm với ai. Chị L xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị L và anh Q thống nhất có 03 con chung cháu Kim Thị Mai L, sinh ngày 19/10/2002, cháu Kim Thị Ph, sinh ngày 05/6/2009 và cháu Kim Đình N, sinh ngày 09/02/2012, hiện nay cả ba cháu đều đang sinh sống cùng chị L.

Ly hôn cả chị L đề nghị được nuôi cả ba con chung, không đề nghị phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q đề nghị chia con làm hai, người nuôi hai cháu đầu, người nuôi cháu út, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung và không ai có liên quan đến ai nữa.

Về tài sản chung của vợ chồng, vay nợ và cho vay, công sức đóng góp: Chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc:Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về xin ly hôn, nuôi con chung. Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, thẩm quyền thuộc về Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho những người tham gia tố tụng và chuyển quyết định, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị Quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L với anh Q:Về con chung: Giao các cháu Kim Thị Mai L, sinh ngày 19/10/2002, cháu Kim Thị Ph, sinh ngày 05/6/2009 và cháu Kim Đình N, sinh ngày 09/02/2012 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Về án phí chị L phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ngày 17 tháng 01 năm 2019 chị L có đơn xin ly hôn đối với anh Kim Đình Q. Nguyên đơn, bị đơn cư trú tại xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Thẩm quyền thuộc về Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ khi Tòa án thụ L đến khi xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên và Thư ký Tòa án thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn nghiêm chỉnh chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L với anh Kim Đình Q. Hội đồng xét xử thấy: Chị L và anh Q đều thống nhất được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống của vợ chồng hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2013 vợ chồng thường xuyên tranh cãi bất hòa, đánh cãi chửi nhau, đến năm 2016 thì sống ly thân cho đến nay. Cả chị L và anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không ai còn quan tâm chăm sóc cho ai, đời sống chung không còn, đề nghị tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Nên cần giải quyết chị L và anh Q được ly hôn.

[3] *Về con chung*: Chị L và anh Q có 03 con chung cháu Kim Thị Mai L, sinh ngày 19/10/2002, cháu Kim Thị Ph, sinh ngày 05/6/2009 và cháu Kim Đình N sinh ngày 09/02/2012, hiện nay cả ba cháu đều đang sinh sống cùng chị L.

Ly hôn cả chị L đề nghị được nuôi cả ba con chung, anh Q đề nghị vợ chồng đều được nuôi con, người nuôi hai cháu Lan và Phương, người nuôi cháu Nam, không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Các con chung cháu L, Ph, N đều trên 7 tuổi và dưới 18 tuổi, các cháu có lời khai nguyện vọng đều muốn ở với mẹ.

Về thu nhập, điều kiện nuôi con: Chị L có nơi ở, có nghề nghiệp làm may thu nhập hàng tháng 10.000.000đ/ 1 tháng, từ trước đến giờ chị một mình chăm sóc các con ăn học. Anh Q thì nghiện ngập rượu chè, ma túy, thường xuyên làm ăn xa nhà, không đảm bảo điều kiện nuôi con chung.

Anh Q đề nghị nuôi con chung nhưng không đề nghị cụ thể nuôi cháu nào, thu nhập của anh không ổn định, nghề nghiệp không cố định, bản thân anh có mắc

nghiện ma túy, chơi bời nhưng anh vẫn muốn nuôi con không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy chị L có thu nhập ổn định, có nơi cư trú, các con chung đều có nguyện vọng đề nghị được ở với chị L. Hơn nữa anh Q thường xuyên đi làm ăn xa thu nhập không ổn định, các con chung từ nhỏ vẫn do chị L chăm sóc, giáo dục Anh Q cũng đã có thời gian nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục các con chung nhưng cuộc sống của các cháu không được đảm bảo, việc học của cháu Phương đã bị gián đoạn mất một năm. Bản thân anh Q cũng chưa khẳng định anh sẽ từ bỏ việc nghiện ma túy. Để không làm sáo trộn cuộc sống của các con chung cũng như việc học tập của các cháu nên tiếp tục để chị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L được nuôi con không đề nghị anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản, vay nợ, công sức đóng góp: Chị L và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình: Theo quy định tài khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chị L phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51,56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Kim Đình Q.

2. Về con chung: Giao các cháu Kim Thị Mai L, sinh ngày 19/10/2002, cháu Kim Thị Ph, sinh ngày 05/6/2009 và cháu Kim Đình N, sinh ngày 09/02/2012 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, vay nợ, công sức đóng góp: Chị L và anh Q không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải nộp là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số: AA/2017/0000640 ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành

án dân sự huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị L, anh Q có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hồng Qúy

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- UBND xã Đồng Văn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.